



**TIỂU SỬ SUSAN CHYN**

Cô Susan là một nhà phê bình và dạy Tiếng Anh nổi tiếng của Trung Quốc, tinh thông tiếng Hoa và một số ngôn ngữ khác.

Chức vụ:

Trung Tâm khảo thí giáo dục Mỹ (ETS)

- Tổng giám đề thi TOEFL
- Tổng giám đề thi TOEIC
- Tổng giám thị trường Châu Á – Thái Bình Dương

Người chủ trì web Xin Lang

Nhật báo Trung Quốc, thế kỉ 21

- Giám khảo cuộc thi diễn thuyết giữa các trường cao đẳng
- Người chủ trì chuyên mục

Người chủ trì chuyên mục tạp chí Thiên Hạ Đài Loan

Tập đoàn giáo dục hỗ trợ tiếng Anh Live ABC

- Người vinh dự phát hành tạp chí
- Tác giả của nhiều đầu sách giáo khoa

## The First Step to Business Success: How to Get High Scores in TOEIC

### Bước đầu tiên để thành công trong kinh doanh: làm thế nào để đạt được điểm số cao trong kỳ thi toEIC?

As the world's economy becomes increasingly integrated, how we communicate changes. We are linked economically and socially by trade, investment, and international agreements. Companies cross borders looking for markets and for assets. Industries face more and more foreign competition. Mergers and acquisitions occur seamlessly, swallowing up organizations in a number of nations. Within the global community, individuals share ideas, working together to complete tasks and solve problems. Although it is market forces that bring people together, it is communication that helps fulfill the promise of the global economy. English is the language used to connect the world of international business.

Nền kinh tế thế giới đang ngày càng hội nhập, nên cách chúng ta giao tiếp cũng có thay đổi. Chúng ta gắn kết với nhau về mặt kinh tế và xã hội thông qua thương mại, đầu tư và các hợp đồng quốc tế. Các công ty được mở rộng ra ngoài biên giới nhằm tìm kiếm thị trường và tài sản. Thế nên, các ngành công nghiệp gặp phải ngày càng nhiều sự cạnh tranh từ nước ngoài. Các vụ sát nhập và mua lại diễn ra không ngừng đã nuốt chửng các tổ chức ở một số quốc gia. Trong cộng đồng thế giới, các cá nhân chia sẻ với nhau ý tưởng, cùng nhau làm việc để hoàn thành nhiệm vụ và giải quyết các vấn đề. Dù rằng những yêu cầu của thị trường đưa con người xích lại gần nhau, nhưng phải giao tiếp được với nhau mới mong hoàn thành sự hứa hẹn về nền kinh tế toàn cầu. Tiếng Anh chính là ngôn ngữ kết nối thế giới thương mại quốc tế.

Last year, almost four million people took the TOEIC test, the Test of English for International Communication, seeking to demonstrate their competence in workplace English. These numbers included students, preparing to enter the job market and workers, hoping to improve their skill base. Thousands of organizations use the TOEIC benchmark as a reference point when training or recruiting staff. No wonder, then, that so many people are looking for ways to raise the level of their English proficiency and thus gain a higher TOEIC score.

Năm vừa qua, gần 4 triệu người đã tham dự kỳ thi TOEIC, bài kiểm tra tiếng Anh trong môi trường giao tiếp quốc tế, nhằm thể hiện khả năng tiếng Anh của họ nơi công sở. Những người tham gia thi bao gồm sinh viên, những người chuẩn bị đi làm và nhân viên. Họ đi thi với mong muốn cải thiện kỹ năng của bản thân. Hàng ngàn tổ chức lấy số điểm thi TOEIC làm tiêu chí đánh giá khi huấn luyện hay tuyển dụng nhân viên. Vì vậy, rất nhiều người đang tìm cách để có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh và từ đó đạt điểm cao khi thi TOEIC.

To perform well on the TOEIC test, a candidate will need a solid basis in grammar and usage as well as a practical fluency in listening and reading. Additionally, a candidate will want to be comfortable with the contexts and processes of the workplace. Just how can one become knowledgeable in English as it relates to the workplace? Look around at the various industries - finance, IT, pharmaceuticals, manufacturing, and trade. Try to become familiar with the basic terminology in each of these domains. What about business and administrative processes? Are you able to talk about sales, purchasing, or general office administrations? Can you skim through English advertisements and letters? Can you understand straightforward announcements involving air transportation and corporate events? If not, it's time to get started. Begin to read business magazines in English; try to listen to business news on the radio or TV whenever you travel. The TOEIC test will cover a variety of national settings. That means you will want to pay attention to the most typical European, Latin American, African, and Asian surnames so they will not confuse you.

Để thành công trong kỳ thi Toeic, thí sinh cần nắm vững ngữ pháp và thành thạo kỹ năng nghe và đọc. Ngoài ra, thí sinh còn muốn hoạt động thoải mái trong môi trường và các tiến trình nơi làm việc. Vậy thì làm sao để người ta có hiểu biết trong tiếng Anh có liên quan tới nơi họ làm việc. Hãy xem qua các ngành công nghiệp khác nhau – tài chính, công nghệ thông tin, dược phẩm, sản xuất và thương mại. Cố gắng làm quen với các thuật ngữ cơ bản trong mỗi ngành này. Còn về các quy trình trong kinh doanh và hành chính? Liệu bạn có khả năng nói về việc bán hàng, mua hàng hoặc hành chính văn phòng nói chung? Liệu bạn có thể xem lướt qua những quảng cáo và thư từ tiếng Anh? Liệu bạn có thể tự hiểu những thông báo về vận tải hàng không và các sự kiện của công ty?

Nếu bạn không thể, vậy thì đã đến lúc bắt tay vào việc. Bắt đầu đọc các tạp chí kinh doanh viết bằng tiếng Anh, cố gắng lắng nghe các tin tức phát trên đài hoặc tivi bất cứ lúc nào bạn có thể. Bài thi Toeic sẽ đề cập đến nhiều quốc gia. Điều đó có nghĩa là bạn sẽ muốn chú ý đến những cái tên đặc trưng của châu Âu, châu Mỹ Latin, châu Phi và châu Á để không bỏ ngỡ trước những cái tên này.

The Listening Comprehension section, with its 100 questions, tests spoken language in social and business settings. Each of the four parts in this section assesses different aspects, and requires different strategies. To perform well on the Photographs section, you will want to make sure you are able to describe objects and events. You will need to refine your pronunciation and practice your oral skills. Practice listening to English conversations at normal speeds; at first the dialog may seem very fast. Over time, you will gain your confidence. This will keep you from panicking if you miss a word here or there. Another strategy for the Photographs section is to practice converting a descriptive sentence from active to passive voice. And finally, are you able to discriminate between the various sounds the difference, for example, between the vowel sounds in "get" and "gate?" Question options often play on similar sounds.

Phần Nghe Hiểu, với 100 câu hỏi, kiểm tra ngôn ngữ giao tiếp trong môi trường xã hội và kinh doanh. Từng phần trong bốn phần của chương này đánh giá các mặt khác nhau, và đòi hỏi những chiến lược khác nhau. Để làm tốt trong phần Hình ảnh, bạn cần chắc chắn rằng bạn có thể miêu tả các vật và các sự kiện. Bạn cũng cần cải thiện cách phát âm và luyện tập các kỹ năng vấn đáp. Hãy luyện nghe các bài hội thoại tiếng Anh ở tốc độ bình thường; dù lúc đầu cuộc đối thoại có vẻ rất nhanh. Qua một thời gian, bạn sẽ đạt được sự tự tin. Điều này giúp cho bạn tránh khỏi sự hốt hoảng nếu bạn bỏ sót từ nào đó ở đoạn này hoặc đoạn kia. Một chiến thuật khác đối với phần Hình ảnh là luyện tập biến đổi câu miêu tả từ thể chủ động sang thể bị động. Và cuối cùng, bạn có thể phân biệt được sự khác nhau của các âm thanh không, ví dụ như, âm nguyên âm trong từ "get" và từ "gate"? Các câu hỏi lựa chọn thường tận dụng những âm thanh tương tự nhau.

For the Question and Response section, your best defense is a good offense: Train yourself to anticipate the "answer" or "response" to a variety of questions and statements. What should you say when you hear the question: "This real estate project should do well, don't you think?" You can say, "Yes, the market is heating up." Or, you can say, "It's hard to say." You cannot say, "I should." Practice carrying on a conversation by asking and answering questions in a colloquial fashion.

Đối với phần Hỏi Đáp, cách phòng thủ tốt nhất của bạn là tấn công tốt lên:

hãy rèn luyện bản thân dự đoán trước “câu trả lời” hoặc “câu hỏi đáp” đối với những câu hỏi và những lời phát biểu. Bạn nên nói gì khi nghe thấy câu hỏi “Dự án bất động sản này chắc sẽ khả quan, bạn có nghĩ vậy không?”. Bạn có thể nói “Vâng, thị trường đang nóng lên”. Hoặc, bạn có thể nói “Thật khó nói”. Chứ bạn không thể nói “Tôi có”. Hãy luyện tập xúc tiến các cuộc đối thoại bằng cách hỏi và trả lời các câu hỏi theo lối nói thông thường.

For the Short Conversations and Short Talks in the Listening Comprehension section, you will want to visualize the setting of each conversation: Who is talking? Where is the conversation taking place? What is the relationship between the speakers? What are the speakers doing? Is there a business organization being discussed? The more pieces in the puzzle that you can fill in, the better you can understand the “big picture” and answer questions accurately. Read through the questions quickly, and see if you know the correct answer. Guessing is an important and strategic skill. Train yourself to guess strategically based on what you already know.

Đối với phần Đối Thoại ngắn và Đọc Thoại ngắn trong phần Nghe Hiểu, bạn cần hình dung bối cảnh của mỗi cuộc đối thoại: Ai đang nói? Cuộc đối thoại diễn ra ở đâu? Mối quan hệ giữa những người nói là gì? Những người nói đang làm gì? Có tổ chức thương mại nào đang được bàn luận không? Bạn càng điền được nhiều mảnh ghép trong trò chơi ghép hình, thì bạn càng có thể hiểu rõ hơn “bức tranh tổng thể” và trả lời câu hỏi một cách chính xác. Đọc qua các câu hỏi một cách nhanh chóng và nghĩ xem bạn có biết đáp án đúng hay không. Phỏng đoán là một kỹ năng quan trọng và mang tính chiến lược. Hãy tự luyện tập bản thân để có thể phỏng đoán một cách chiến lược dựa trên những gì bạn đã biết.

To perform well on the Reading section, you will first need to demonstrate a strong command of English structure and usage. Review the grammatical patterns you have covered in the past, and practice them using workplace vocabulary. In the Incomplete Sentence part, questions may focus on vocabulary or grammar. To do well on grammar questions, obviously you should make sure you understand things, like verb tenses, agreement, and phrase and clause structure. Check the question to see if the options are all the same part of speech. If they are, you will need to choose the correct word to fit into the sentence. Knowing a dictionary meaning of a word may not be enough. You will also need to learn how to use words in context, including word collocations, or word combinations that are typically used together. For example, in idiomatic workplace English you might say “growth rate” and not “growing rate.” Collocations and other aspects of usage must often be memorized there are no simple rules. That means you will need to embrace a wide variety of magazines, texts, and even announcements and advertisements, taking careful note of

which words are used and when.

Để làm tốt phần Đọc Hiểu, trước hết bạn sẽ cần thể hiện một sự thành thạo về cấu trúc và cách sử dụng tiếng Anh. Ôn lại các mẫu ngữ pháp mà bạn đã học qua trong quá khứ, và thực hành chúng bằng cách sử dụng những từ vựng ở nơi làm việc. Trong phần Hoàn Thành Câu, các câu hỏi có thể tập trung vào từ vựng hoặc ngữ pháp. Để làm tốt các câu hỏi ngữ pháp, rõ ràng bạn nên chắc chắn là bạn hiểu được những thứ như các thì động từ, sự hòa hợp thì, cấu trúc thành ngữ và cấu trúc mệnh đề. Kiểm tra câu hỏi để xem có phải tất cả các lựa chọn đều ở cùng phần với bài đọc hay không. Nếu đúng như vậy, bạn sẽ cần phải chọn từ đúng để điền vào câu. Biết được nghĩa từ điển của một từ có thể là chưa đủ. Bạn cũng cần học cách sử dụng từ trong ngữ cảnh, bao gồm thứ tự sắp xếp các từ, hoặc những từ kết hợp thường được sử dụng một cách điển hình cùng nhau. Ví dụ, trong tiếng Anh công sở bạn có thể nói “growth rate” (tốc độ tăng trưởng) mà không nói “growing rate” (tốc độ đang tăng trưởng). Thứ tự sắp xếp và các thể khác của cách dùng phải được ghi nhớ thường xuyên – bởi vì, có những quy tắc không hề đơn giản. Điều này có nghĩa là bạn sẽ cần bao quát một lượng lớn những tạp chí, những đoạn văn, và ngay cả những thông báo và quảng cáo, lập ghi chú cẩn thận về những từ nào được dùng và dùng trong hoàn cảnh nào.

The Text Completion section of the TOEIC is fairly standard as English proficiency tests go. Sentences or excerpts are given for you to read. In each question, either a word or phrase is missing. You are then asked to choose from four possibilities. The section is designed to test both vocabulary and grammar. You will, of course, be able to employ a strategy or even tricks at times. The process of elimination is also an invaluable tool. But be careful. The test does, after all, set certain traps. For every trick you think you know, they have too to make you choose the wrong answer.

Phần Hoàn Thành Đoạn Văn của bài thi TOEIC khá thông dụng trong những cuộc sát hạch trình độ thông thạo tiếng Anh. Bạn sẽ đọc các đoạn văn hoặc các đoạn trích. Ở mỗi câu hỏi sẽ một từ hoặc cụm từ còn bỏ trống. Tiếp đến, bạn được yêu cầu để chọn đáp án từ bốn lựa chọn. Phần thi được thiết kế để kiểm tra cả từ vựng lẫn ngữ pháp. Tất nhiên, đôi khi bạn sẽ có thể tận dụng chiến lược hoặc cả những bí quyết. Các bước loại trừ cũng là một công cụ vô giá. Nhưng hãy cẩn thận. Xét cho cùng, bài kiểm tra nào cũng có những cái bẫy nào đó. Đối với mỗi bí quyết mà bạn nghĩ là bạn biết, họ cũng có cách để khiến cho bạn chọn sai câu trả lời.

Finally, for the last part of the Reading section that is, for the actual reading questions you will need to train yourself to read quickly through workplace content. Are you able

to scan short memos in English? Are you able to pick out key dates from a newspaper announcement? Can you look at a text and see what type of reader would be interested in it? Is it something for an accountant or lawyer? A salesperson? How about a R&D scientist? In other words, are you able to “read between the lines?”

Cuối cùng, đối với phần cuối cùng trong phần Đọc Hiểu – chính là phần dành cho những câu hỏi đọc hiểu thật sự - bạn sẽ cần rèn luyện đọc nhanh qua các nội dung công sở. Bạn có thể đọc lướt qua thư báo ngắn bằng tiếng Anh không? Bạn có thể hiểu ra được những ngày quan trọng từ một thông cáo báo chí không? Bạn có thể xem xét một đoạn văn và biết được loại độc giả nào sẽ cảm thấy hứng thú với nó không? Đó có phải là đoạn văn dành cho kế toán hoặc luật sư không? Hay là nhân viên kinh doanh? Còn nhà khoa học nghiên cứu và phát triển thì sao? Nói cách khác, bạn có thể “hiểu được ẩn ý” không?

*Prep for the New TOEIC Keywords and Phrases* is the perfect complement for *Complete Preparation for the New TOEIC*. Together, these books offer a full range of concrete strategies and tips in addition to many sample questions for practice. Work through this dynamic multi-media resource systematically, remembering that language proficiency is developed gradually. Be confident in your abilities! Do not forget the old saying: “Don’t stare at the steps of success - step up the stairs.” Even test preparation can be made enjoyable, if you “take it slow,” learning a little bit each day, one step at a time.

Cuốn “*Complete Preparation for the New TOEIC*” cung cấp đủ loại các chiến lược cụ thể và những lời khuyên đi kèm với nhiều câu hỏi mẫu để luyện tập. Hãy làm việc thông qua nguồn kiến thức năng động và đa phương tiện này một cách có phương pháp, ghi nhớ rằng sự thông thạo ngôn ngữ được phát triển dần dần. Hãy tự tin vào khả năng của bản thân! Đừng quên câu nói cũ: “Đừng nhìn các bước của thành công – hãy bước lên bậc thang thành công”. Thậm chí chuẩn bị cho kì thi cũng có thể trở thành sự tận hưởng nếu bạn “cứ từ từ”, học mỗi ngày một ít, mỗi lần một bước.

<b>New TOEIC</b>		<b>New TOEIC – Từ vựng</b>	
<b>1.General Business</b>	<i>Thương mại tổng quát</i>		<b>13</b>
1-1 Contracts	Hợp đồng	TRACK 01	14
1-2 Negotiations	Đàm phán	TRACK 02	19
1-3 Marketing	Tiếp thị	TRACK 03	22
1-4 Sales	Bán hàng	TRACK 04	26
1-5 Conferences	Hội nghị	TRACK 05	29
1-6 Business Planning	Kế hoạch kinh doanh	TRACK 06	32
<b>2.Office Issues</b>	<i>Hành chính văn phòng</i>		<b>37</b>
2-1 Board Meetings	Cuộc họp hội đồng	TRACK 07	38
2-2 Committees	Ủy ban	TRACK 08	40
2-3 Communication	Thông tin	TRACK 09	42
2-4 Furniture & Equipment	Thiết bị văn phòng	TRACK 10	46
2-5 Office Procedures	Quy trình văn phòng	TRACK 11	50
<b>3.Personnel</b>	<i>Nhân sự</i>		<b>55</b>
3-1 Recruiting	Tuyển dụng	TRACK 12	56
3-2 Retiring	Nghỉ hưu	TRACK 13	58
3-3 Salaries	Mức lương	TRACK 14	60
3-4 Promotions	Thăng chức	TRACK 15	62
3-5 Job Applications	Đơn xin việc	TRACK 16	64
<b>4.Purchasing</b>	<i>Mua hàng</i>		<b>69</b>
4-1 Shopping	Mua sắm	TRACK 17	70
4-2 Ordering Supplies	Đặt hàng	TRACK 18	73
4-3 Shipping	Vận chuyển hàng	TRACK 19	77
4-4 Invoices	Hóa đơn	TRACK 20	80
<b>5.Finance and Budgeting</b>	<i>Tài chính và Ngân sách</i>		<b>85</b>
5-1 Banking	Ngân hàng	TRACK 21	86

5-2	Investments	Đầu tư	TRACK 22	90
5-3	Taxes	Thuế	TRACK 23	95
5-4	Accounting	Kế toán	TRACK 24	97
5-5	Billing	Thanh toán	TRACK 25	102
<b>6.Management Issues</b>		<i>Vấn đề quản lý</i>		<b>105</b>
6-1	Assembly Lines	Dây chuyền lắp ráp	TRACK 26	106
6-2	Quality Control	Điều khiển chất lượng	TRACK 27	109
6-3	Management Meetings	Cuộc họp quản lý	TRACK 28	114
<b>7.Restaurants and Events</b>		<i>Nhà hàng và Sự kiện</i>		<b>119</b>
7-1	Banquets	Tiệc	TRACK 29	120
7-2	Informal Lunches	Bữa trưa thân mật	TRACK 30	123
7-3	Receptions	Tiệc chiêu đãi	TRACK 31	125
7-4	Reservations	Đặt chỗ trước	TRACK 32	127
7-5	Events	Sự kiện	TRACK 33	129
<b>8.Travel</b>		<i>Du lịch</i>		<b>133</b>
8-1	Transportation	Giao thông vận tải	TRACK 34	134
8-2	Tickets	Vé	TRACK 35	138
8-3	Schedules	Lịch trình	TRACK 36	142
8-4	Stations and Terminals	Trạm dừng và Ga cuối	TRACK 37	146
<b>9.Entertainment</b>		<i>Giải trí</i>		<b>149</b>
9-1	Movies	Phim ảnh	TRACK 38	150
9-2	Theater	Nhà hát	TRACK 39	152
9-3	Music	Âm nhạc	TRACK 40	154
9-4	Art	Nghệ thuật	TRACK 41	158
9-5	Media	Truyền thông	TRACK 42	161
<b>10.Health</b>		<i>Sức khỏe</i>		<b>163</b>
10-1	Medical Insurance	Bảo hiểm y tế	TRACK 43	164
10-2	At the Doctor's Office	Tại phòng bác sỹ	TRACK 44	167
10-3	At the Dentist's Office	Tại phòng nha sỹ	TRACK 45	170
10-4	At the Clinic	Tại phòng khám	TRACK 46	172
10-5	At the Hospital	Tại bệnh viện	TRACK 47	174



**New TOEIC***Cụm từ*

Phrases A~E	Cụm từ A~E	TRACK 48	180
Phrases F~J	Cụm từ F~J	TRACK 49	191
Phrases K~O	Cụm từ K~O	TRACK 50	198
Phrases P~T	Cụm từ P~T	TRACK 51	206
Phrases U~Z	Cụm từ U~Z	TRACK 52	213

**New TOEIC***Phiên bản mới của mẫu thử nghiệm TOEIC***Listening Comprehension**

## Nghe hiểu

Part I: Photographs	Hình ảnh	TRACKS 53-54	219
Part II: Question and Response	Hỏi và Đáp	TRACKS 55-56	224
Part III: Short Conversations	Đối thoại ngắn	TRACKS 57-58	227
Part IV: Short Talks	Độc thoại ngắn	TRACKS 59-60	234

**Reading Comprehension**

## Đọc hiểu

Part V: Incomplete Sentences	Hoàn thành câu		242
Part VI: Text Completion	Hoàn thành đoạn văn		249
Part VII: Reading Comprehension	Đọc hiểu		253

**Answer Key**

## Đáp án

Answer Key	Đáp án		274
Listening Comprehension Transcript	Bản ghi nội dung Nghe Hiểu		275

# New TOEIC

---

## Từ Vựng

# General Business

1-1 Contracts	TRACK 01
1-2 Negotiations	TRACK 02
1-3 Marketing	TRACK 03
1-4 Sales	TRACK 04
1-5 Conferences	TRACK 05
1-6 Business Planning	TRACK 06

**acceptance** [ək'septəns]

n. sự chấp nhận

Now that you have shown your acceptance of our offer, I will prepare the contract for you to sign.

Do ông chấp nhận đơn đặt hàng của chúng tôi, tôi sẽ chuẩn bị hợp đồng để ông ký.

✧ **Giải thích:** *acceptance* trong thương mại có thể dùng để chỉ “hóa đơn, hay chứng từ giao có đảm bảo thanh toán”.

**agreement** [ə'grɪ:mənt]

n. hợp đồng

The two countries signed a trade agreement.

Hai quốc gia đã ký một hợp đồng thương mại.

✧ **Giải thích:** *agreement* khi mang nghĩa “hiệp định, hiệp ước” là danh từ đếm được, khi mang nghĩa là “đồng ý, thống nhất” thì lại là danh từ không đếm được. *Trade agreement* chỉ “hiệp định thương mại”.

**amend** [ə'mend]

v. sửa đổi, hiệu chỉnh

Can we amend this part of the contract before we sign?

Chúng tôi có thể sửa đổi một phần của bản hợp đồng này trước khi chúng tôi ký không?

**amendment** [ə'mendmənt]

n. sự sửa đổi, sự hiệu chỉnh

I have made the amendments you wanted; would you like to sign it now?

Tôi vừa thực hiện một số sửa đổi như ông muốn, vậy ông sẽ ký bây giờ chứ?

✧ **Giải thích:** *amendment* thường dùng để chỉ “sự bổ sung hoặc sửa đổi một hiến pháp hay một đạo luật”, ví dụ: *a constitutional amendment* là chỉ “sửa đổi một hiến pháp”.

S → recognition  
n. sự công nhận

A → rejection  
n. sự từ chối

R → accept  
v. đồng ý, chấp nhận

S → compact - treaty  
n. hiệp ước, thỏa ước

R → agree  
v. đồng ý

S → correct  
v. hiệu chỉnh

R → amendable  
adj. có thể hiệu chỉnh

R → amendment  
n. sự sửa đổi

S → correction - alteration - emandation  
n. sự sửa đổi

R → amend  
v. sửa đổi, tu chỉnh

**bind** [baɪnd]

*v. buộc, bó buộc, ràng buộc*

She cannot work for anyone else as she is bound by her contract.

Cô ấy không thể làm việc cho người khác bởi vì cô ấy bị ràng buộc bởi hợp đồng của cô.

✦ **Giải thích:** khi bind có nghĩa “bắt buộc, ràng buộc”, thường dùng hình thức bị động dạng “be bound”. Thì quá khứ và quá khứ phân từ của “bind” là “bound”.

**binding** [ˈbaɪndɪŋ]

*adj. ràng buộc*

The contract is legally binding.

Hợp đồng này là ràng buộc hợp pháp.

✦ **Giải thích:** khi binding là một danh từ, có thể chỉ “bìa sách, keo, chất dán, dây buộc, miếng nẹp...”.

**breach** [bri:tʃ]

*n., v. sự vi phạm, vi phạm*

If you raise the price, that will be a breach of our contract.

Nếu ông tăng giá cả lên thì sẽ vi phạm hợp đồng của chúng ta.

✦ **Giải thích:** breach of sth biểu thị “vi phạm việc gì đó”, ví dụ: breach of an agreement (vi phạm hiệp ước), breach of etiquette (vi phạm thuần phong mỹ tục), breach of trust (bội tín)...

**clause** [klo:z]

*n. điều khoản*

I want a clause put in the contract that says I will also get 5 percent of the profits.

Tôi muốn trong hợp đồng này có điều khoản rằng tôi cũng sẽ nhận được 5% lợi nhuận.

✦ **Giải thích:** Trong ngữ pháp, clause có nghĩa là mệnh đề, ví dụ: main clause (mệnh đề chính), relative clause (mệnh đề quan hệ), subordinate clause (mệnh đề phụ thuộc)...

**A** unbind - unfetter  
*v. cởi lỏng, tháo bỏ*

**R** binder  
*n. người ràng buộc*

**A** nonbinding  
*adj. không ràng buộc*

**R** bind  
*v. bó buộc*

**C** abiding  
*adj. kéo dài (=lasting)*

**S** infraction - violation  
*n. sự phá vỡ, sự vi phạm*

**S** break - violate - infringe  
*v. phá vỡ, vi phạm*

**A** nonviolation - observance  
*n. sự tuân thủ*

**A** follow - obey - observe  
*v. làm theo, tuân theo*

**R** commerce clause  
*điều khoản thương mại*

**R** penalty clause  
*điều khoản bồi thường*

**R** saving clause  
*điều khoản tiết kiệm*